

NGHỊ QUYẾT**Về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Phần thứ nhất**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TU,
NGÀY 11/11/2016 CỦA TỈNH ỦY**

Qua hơn 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 (*viết tắt là Nghị quyết số 06-NQ/TU*), với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, quản lý, điều hành, triển khai đồng bộ của chính quyền các cấp, kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Nhận thức các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân và người dân về vai trò, tầm quan trọng của việc triển khai đạt hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TU đối với sự phát triển kinh tế - xã hội địa phương được nâng lên, chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng được cải thiện; một số công trình trọng điểm của tỉnh đã, đang triển khai cùng với việc tiếp tục triển khai một số công trình mới, từng bước làm thay đổi căn bản kết cấu hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng mạnh các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhằm góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế như: Việc đầu tư kết cấu hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chưa tạo được bước chuyển biến đột phá và động lực quan trọng cho sự phát triển; các công trình, dự án đầu tư còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; phát triển kết cấu hạ tầng một số lĩnh vực chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết, nhất là hạ tầng giao thông kết nối; các địa phương chưa chủ động trong khai thác các nguồn lực phục vụ cho đầu tư kết cấu hạ tầng. Môi trường đầu tư ít hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chiến lược, nhất là đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo. Việc tranh thủ, huy động các nguồn lực bên ngoài để đầu tư kết cấu hạ tầng còn hạn chế, đang là điểm nghẽn của sự phát triển, nhiều lĩnh vực được xem là thế mạnh của tỉnh như: Du lịch, bất động sản nghỉ dưỡng, giáo dục - đào tạo,...vẫn chưa thu hút được nhà đầu tư chiến lược.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên do các nguyên nhân chủ yếu là: Lâm Đồng là tỉnh có diện tích lớn, địa hình trải dài và bị chia cắt rõ rệt, cách xa các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, khiến cho việc đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ gặp rất nhiều khó khăn do chi phí đầu tư cao. Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa theo kịp nhu cầu phát triển, chưa tạo ra dư địa,

động lực cho sự phát triển, một số đồ án quy hoạch chậm triển khai. Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, thách thức, thường kéo dài và ảnh hưởng đến tiến độ của hầu hết các dự án phát triển hạ tầng.

Phần thứ hai
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP
ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Đổi mới mạnh mẽ về tư duy, đa dạng hóa các hình thức đầu tư, huy động tối đa các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch, gắn kết chặt chẽ với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.2. Huy động sự vào cuộc quyết liệt, mạnh mẽ cả hệ thống chính trị, lấy nguồn lực công là bước đệm, chất xúc tác quan trọng để tập trung đầu tư cho các công trình, dự án có tác dụng lan tỏa lớn, thật sự cần thiết, cấp bách và các công trình phục vụ an sinh xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, tư nhân đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển; đẩy mạnh thu hút đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trên cơ sở bảo đảm hiệu quả đầu tư, cân bằng lợi ích các chủ thể trong hoạt động đầu tư.

2. Mục tiêu

Tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, thu hẹp khoảng cách vùng, miền và nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng đối với những lĩnh vực then chốt, có khả năng tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI với mục tiêu “*phấn đấu đến năm 2025, Lâm Đồng là tỉnh phát triển khá của cả nước; đến năm 2030, là tỉnh phát triển khá toàn diện của cả nước, tự cân đối được ngân sách và có điều tiết nộp về ngân sách Trung ương; đến năm 2045, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương*”.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

1.1. Đầu tư hạ tầng giao thông

- Hoàn thiện quy hoạch phát triển lĩnh vực giao thông, vận tải giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh để đẩy nhanh thu hút, huy động tối đa nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; tăng cường kết nối giao thông liên vùng với các tỉnh miền Đông Nam bộ, Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung bộ,...

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đường giao thông nông thôn phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, hoạt động sản xuất người dân, doanh nghiệp; phát huy vai trò chủ thể người dân, huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, phù hợp với từng khu vực. Đầu tư hạ tầng giao thông phục vụ hoạt động sản xuất, như: Đường vào Khu công nghiệp Phú Bình; đường phục vụ khai thác vận chuyển Alumin từ mỏ Tân Rai huyện Bảo Lâm ra Quốc lộ 20; đường giao thông đi khu di dân tự do trên địa bàn huyện Đam Rông,...

- Tiếp tục chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương trong việc huy động, tìm kiếm nguồn vốn đầu tư các dự án giao thông trọng điểm có tính chất kết nối liên vùng như: Đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, các tuyến Quốc lộ 27 (đoạn K'Rông Nô - Phi Nôm), 55, 27C, ... khôi phục tuyến đường sắt Phan Rang, Tháp Chàm - Đà Lạt, cải tạo nâng cấp ga Đà Lạt; triển khai hệ thống logistics tại huyện Đức Trọng nhằm bảo quản và sơ chế nông sản phục vụ đường bộ và đường hàng không trong những năm tới.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng hạ tầng giao thông của thành phố Đà Lạt đáp ứng yêu cầu phát triển, gắn với phát triển hệ thống giao thông công cộng và giảm thiểu ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đảm bảo các nguyên tắc, tiêu chí và thứ tự ưu tiên, trong đó tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đối ngoại, giao thông kết nối vùng, kết nối liên huyện; đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông phải đồng bộ gắn phát đầu tư nâng cấp vỉa hè, hệ thống chiếu sáng, ngầm hóa hệ thống điện lưới, viễn thông.

- Phân đầu đến năm 2025, đầu tư hoàn thành giai đoạn 01 đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến quốc lộ 28B, đèo Mimosa và các cầu trên tuyến Quốc lộ 20, đường Trường Sơn Đông; triển khai đầu tư, nâng cấp mở rộng các tuyến Quốc lộ 27, 55, 27C; hoàn thành nâng cấp các tuyến đường tỉnh ĐT.721, ĐT.722, ĐT.725, ĐT.729...; đầu tư nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương từ tiêu chuẩn 4D lên 4E, mở thêm các tuyến bay nội địa và quốc tế từ Cảng hàng không Liên Khương đi Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Campuchia...

- Phân đầu đến năm 2030, hoàn thành đồng bộ đường cao tốc Dầu Giây - Liên Khương; triển khai đầu tư tuyến đường cao tốc Đà Lạt - Nha Trang, Đà Lạt - Buôn Mê Thuột; nâng cấp mở rộng các tuyến Quốc lộ 27C, 28, 55B, đường Trường Sơn Đông nối dài. Phát triển các trục giao thông đối nội theo các hướng Bắc Nam, Đông Tây tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn giữa các vùng, khu vực trong tỉnh, kết nối với hệ thống quốc lộ. Ưu tiên đầu tư, hoàn thành các tuyến đường tỉnh ĐT.726, ĐT.727, ĐT.728 và một số tuyến đường vành đai, đường tránh đô thị cần thiết. Đến năm 2030, các tuyến đường tỉnh đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp IV- miền núi; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 12 - 20%.

1.2. Hạ tầng thủy lợi

- Tiếp tục đầu tư hoàn thành các công trình thủy lợi như: Hệ thống kênh và hồ Ta Hoét, hồ Đông Thanh, hồ Ka Zam, hồ Hiệp Thuận, hệ thống kênh mương thủy lợi Đa Lây, hồ Nam Phương II gắn với Trung tâm thời trang tơ lụa,...; xây

dựng, sửa chữa, nâng cấp đập, hồ thủy lợi, hoàn chỉnh hệ thống kênh mương, kết nối hồ chứa nước; đến năm 2025, phấn đấu 100% công trình đập, hồ chứa thủy lợi đảm bảo an toàn đập, hồ chứa; 100% hồ chứa lớn được ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành. Phát triển và ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, tưới nhỏ giọt cho rau màu, cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao; rà soát giảm diện tích đất lúa kém hiệu quả trong phạm vi phục vụ của các hệ thống công trình thủy lợi để có thêm nguồn nước tưới cho vùng cây công nghiệp, cây trồng cạn, chăn nuôi; điều tra, đánh giá trữ lượng nước ngầm để xây dựng phương án khai thác hợp lý, bảo vệ nguồn nước ngầm.

- Phát triển hệ thống công trình thủy lợi phải đảm bảo sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác. Huy động các nguồn lực, sự tham gia của các tổ chức, cá nhân để đầu tư, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. Đến năm 2025, hỗ trợ phát triển 2.884 công trình trữ nước, xây dựng 86 cống và kiên cố hóa được 64 km kênh mương, góp phần đảm bảo tổng diện tích tưới 150 nghìn ha/214 nghìn ha, đạt khoảng 70% tổng diện tích cần tưới; trong đó, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước khoảng 2.033 ha, đạt 25%; đến năm 2030 mục tiêu tổng diện tích tưới 165 nghìn ha/220 nghìn ha, đạt khoảng 75% tổng diện tích cần tưới, trong đó tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt 30%.

- Thành lập, củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định của Luật Thủy lợi; đến năm 2050, phấn đấu 70% tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả.

1.3. Hạ tầng đô thị

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững. Đổi mới toàn diện về phương pháp, quy trình, nội dung và sản phẩm quy hoạch theo hướng quy hoạch đô thị phải có cách tiếp cận đa ngành, tầm nhìn dài hạn, toàn diện, có tính chiến lược, tôn trọng quy luật thị trường và nguyên tắc phát triển bền vững. Tập trung vào quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công cộng, quy hoạch quản lý sử dụng không gian, kể cả không gian ngầm và hệ thống công trình ngầm đô thị; gắn kết chặt chẽ giữa công tác lập quy hoạch, phát triển đô thị với nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng đô thị theo Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lâm Đồng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, tập trung huy động nguồn lực đầu tư các trục giao thông kết nối giữa các đô thị vệ tinh với thành phố Đà Lạt; đồng thời, từng bước đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai ngoài của thành phố Đà Lạt mở rộng, nhằm kết nối toàn bộ các đô thị vệ tinh theo một trục thống nhất.

- Triển khai các chương trình, đề án tái thiết đô thị để nâng cao hiệu quả sử dụng đất cho phát triển kinh tế khu vực đô thị; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Đẩy nhanh việc di dời theo lộ trình các cơ sở sản xuất chế biến, chế tạo, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường hoặc có nguy cơ gây ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi khu vực trung tâm các đô thị; thực hiện các biện pháp kiểm soát, cải thiện chất lượng không khí tại các đô thị, giảm thiểu ô nhiễm bụi, tiếng ồn; chú

trọng xử lý nước thải sinh hoạt và chất thải rắn đô thị.

- Nghiên cứu, sắp xếp, sáp nhập, thành lập mới đơn vị hành chính đô thị bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch, chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và yêu cầu phát triển của địa phương. Đến năm 2025, toàn tỉnh có 19 đô thị (gồm: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 01 đô thị loại III, 06 đô thị loại IV và 10 đô thị loại V) và cụm 03 xã tiệm cận tiêu chí đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 54%; 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị. Đến năm 2030 là 22 đô thị (gồm: 01 đô thị loại I, 01 đô thị loại II, 03 đô thị loại III, 07 đô thị loại IV và 10 đô thị loại V) và 02 xã tiệm cận tiêu chí đô thị loại V; tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 58,8%; bảo đảm 100% đô thị hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị.

- Đến năm 2025, tỷ lệ cấp nước đô thị trên 80%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị đạt trên 95%, tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt 8 - 12%; đến năm 2030, tỷ lệ cấp nước đô thị trên 90%; tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị đạt 100%; diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị đạt 10 - 15m².

1.4. Hạ tầng du lịch, dịch vụ

Tiếp tục rà soát, đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật kết nối đến các khu du lịch trọng điểm của tỉnh gắn với công tác quy hoạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư các dự án. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá, giới thiệu hình ảnh, tiềm năng, lợi thế về du lịch của Lâm Đồng.

1.5. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Đầu tư nâng cấp, phát triển hạ tầng sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, đồng bộ, kết nối để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm xây dựng, phát triển hạ tầng sản xuất, thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm các dự án nông nghiệp sử dụng vốn đầu tư công và khuyến khích tối đa đầu tư khu vực tư nhân. Ưu tiên huy động nguồn lực đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng tại các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Đề án được phê duyệt.

- Tiếp tục rà soát, cải tạo các công trình cấp nước, thay thế các dây chuyền công nghệ xử lý nước tiên tiến; xây dựng các nhà máy cấp nước liên khu vực, có công suất lớn; ưu tiên đầu tư mở rộng từ các công trình cấp nước đã hoạt động bền vững. Đến năm 2025, có 95% dân số được dùng nước hợp vệ sinh với tiêu chuẩn 80 lít/người, ngày đêm; đến năm 2030, có 98% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, hạn chế sử dụng nước ngầm và ưu tiên sử dụng hoàn toàn nước mặt; hạn chế tối đa xây dựng các công trình cấp nước nhỏ lẻ, các công trình cấp nước tập trung quy mô nhỏ.

- Chương trình nông thôn mới: Đến năm 2025, tỉnh Lâm Đồng hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, trong đó có 47 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến năm 2030, toàn

tỉnh có 60 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 25 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

1.6. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp

a. Hạ tầng khu công nghiệp (KCN):

- Tập trung nguồn lực ưu tiên cho đầu tư xây dựng hoàn thiện các hạng mục hạ tầng thiết yếu tại KCN Lộc Sơn và KCN Phú Hội, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong KCN hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định; không gây tác động xấu đến môi trường; hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa,... Đến năm 2025, KCN Lộc Sơn và KCN Phú Hội xây dựng hoàn thành 100% kết cấu hạ tầng phục vụ nhu cầu thiết yếu của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện quy hoạch phân khu KCN Phú Bình và khu dân cư kề cận KCN Phú Bình; thu hút, lựa chọn nhà đầu tư đầu tư kết cấu hạ tầng của KCN.

b. Hạ tầng cụm công nghiệp (CCN):

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư tại các CCN của tỉnh; thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng thực hiện đầu tư tại các CCN, tiến tới lấp đầy diện tích đất công nghiệp tại các CCN trọng điểm của tỉnh. Đến năm 2025, thu hút đầu tư lấp đầy 70% các cụm công nghiệp trọng điểm; hoàn thiện sắp xếp bổ sung các cụm công nghiệp tại các địa phương có tiềm năng; đến năm 2030, thu hút đầu tư, lấp đầy 100% các cụm công nghiệp trọng điểm, 50% các cụm công nghiệp còn lại.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xây dựng các khu, cụm công nghiệp để tích hợp vào quy hoạch tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để thu hút các nhà đầu tư tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các CCN; chủ động cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu để thu hút đầu tư.

- Nghiên cứu mở rộng, thành lập các CCN mới tại các địa phương có điều kiện phù hợp (*các huyện: Lạc Dương, Di Linh, Cát Tiên*).

1.7. Hạ tầng năng lượng điện

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 28/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hóa thạch.

- Ưu tiên thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư năng lượng tái tạo có tiềm năng (*thủy điện tích năng, thủy điện vừa và nhỏ, điện gió và điện mặt trời*) ở những nơi phù hợp, đảm bảo không tác động đến rừng tự nhiên, hạn chế tác động môi trường sinh thái, không ảnh hưởng đến khu vực quốc phòng, an ninh. Khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái và điện mặt trời trên các hồ thủy lợi, hồ thủy điện, đất nông nghiệp năng suất thấp.

- Tạo điều kiện thuận lợi thực hiện đầu tư hiện đại hoá ngành điện từ khâu sản xuất, truyền tải đến phân phối nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường

điện; nâng cao khả năng bảo đảm an ninh mạng lưới điện và chất lượng dịch vụ điện. Xây dựng hệ thống lưới điện đồng bộ để vận hành hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực, bảo đảm cung cấp điện an toàn, đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp.

1.8. Hạ tầng thương mại

- Tiếp tục thực hiện các Kế hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2025, đầu tư xây dựng mới 10 chợ, hoàn thành chuyển đổi mô hình quản lý 05 chợ, hoàn thành và đưa vào hoạt động 3 siêu thị, 7 trung tâm thương mại; đến năm 2030, tập trung phát triển các mô hình chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu đô thị, khu dân cư mới theo hướng hiện đại, văn minh.

- Đẩy mạnh việc thực hiện mô hình Doanh nghiệp, Hợp tác xã trực tiếp quản lý chợ; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa, nhất là trung tâm thương mại, siêu thị, các chuỗi bán lẻ hàng hóa tiện ích, chợ truyền thống; cung ứng các mặt hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất, kinh doanh.

1.9. Hạ tầng giáo dục - đào tạo

- Tập trung rà soát, lập quy hoạch mạng lưới trường lớp từ mầm non đến phổ thông có tầm chiến lược, đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển. Rà soát, đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất các trường học đạt chuẩn quốc gia, nâng cao chất lượng công tác dạy và học ở tất cả các cấp trường học. Đến năm 2025, tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt trên 82%, trong đó: Bậc học mầm non đạt 83 - 85%, cấp tiểu học đạt 87 - 89%, cấp trung học cơ sở đạt 72 - 74%, cấp trung học phổ thông đạt 80 - 82%; đến năm 2030, phấn đấu tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia toàn tỉnh tăng bình quân từ 1 - 2%/năm.

- Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Xây dựng các danh mục dự án, công trình và huy động các nguồn lực ngoài ngân sách để đầu tư cơ sở giáo dục, đào tạo chất lượng cao.

1.10. Hạ tầng y tế

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất tại các cơ sở khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Hoàn thiện mô hình bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh; phấn đấu đưa Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng lên hạng I trước năm 2025 và Bệnh viện II Lâm Đồng lên hạng I trước năm 2030; thành lập Bệnh viện Sản Nhi Lâm Đồng trên cơ sở nâng cấp Bệnh viện Nhi Lâm Đồng; 100% các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa tuyến tỉnh thực hiện từ 80% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2025 và từ 90% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2030. Phấn đấu 100% Trung tâm Y tế huyện, thành phố hoàn thiện mô hình Trung tâm Y tế theo quy định; 100% các Trung tâm Y tế huyện, thành phố thực hiện từ 80% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2025 và từ 90% trở lên danh mục kỹ thuật đúng tuyến vào năm 2030.

- Đẩy mạnh xã hội hóa thu hút đầu tư lĩnh vực y tế; tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài thông qua các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh, phục vụ tốt nhất nhu cầu khám,

chữa bệnh của người dân.

1.11. Hạ tầng khoa học - công nghệ

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ; hệ thống chuẩn đo lường, phòng thí nghiệm trọng điểm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hạ tầng thông tin, thông kê khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Tranh thủ tối đa các nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương để đầu tư dự án Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lâm Đồng; huy động nguồn lực xã hội hóa trên một số lĩnh vực để hỗ trợ thúc đẩy phát triển các nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ tại các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh hoạt động trong một số ngành, nghề, lĩnh vực kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

1.12. Hạ tầng thông tin - truyền thông

- Mở rộng mạng lưới, phát triển bưu chính trên nền tảng thương mại điện tử và kinh tế số nhằm đẩy mạnh và phát triển dịch vụ logistic phục vụ hậu cần thương mại điện tử tại địa phương; khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ số gắn với bản đồ số đến 100% hộ gia đình nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động vận chuyển và giao nhận hàng hóa trong thương mại điện tử và logistics; ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động kinh doanh; sử dụng chung hạ tầng, mạng lưới chuyên phát, kho vận, phương tiện,... giữa các doanh nghiệp bưu chính nhằm giảm chi phí vận chuyển, đảm bảo thời gian, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số phục vụ tiến trình chuyển đổi số quốc gia. Ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (*trong đó có mạng cáp viễn thông*) tại các khu vực trung tâm hành chính của tỉnh và thành phố, khu vực đô thị (*thành phố, thị trấn và trung tâm các huyện*), khu du lịch; khu, cụm công nghiệp; khu vực các tuyến đường, phố xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa,... nhằm đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Triển khai đồng bộ hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, phát triển nền tảng số phục vụ cho hoạt động của chính quyền, người dân và doanh nghiệp. Hợp tác nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo trong môi trường số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu có năng lực tính toán cao và được kết nối đồng bộ để phục vụ các hệ thống thông tin của tỉnh, ổn định, dựa trên công nghệ hiện đại và an toàn.

1.13. Hạ tầng văn hóa - thể thao

- Tập trung, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng và hoàn thiện các Trung tâm văn hóa - thể thao, nhà thiếu nhi nhằm hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân địa phương, du khách; đảm bảo cơ sở vật chất cho việc tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao của tỉnh và của cả nước. Đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa cơ bản cấp tỉnh; 100% các huyện, thành phố trong tỉnh có Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao đạt chuẩn theo quy định; 100% xã, phường, thị trấn, thôn, buôn, tổ dân phố có thiết chế văn hóa - thể thao; 100% số xã, phường, thị trấn có thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được đầu tư, nâng cấp đạt chuẩn vào năm 2030.

- Khuyến khích doanh nghiệp, nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa - thể thao; trong đó, ưu tiên đầu tư, phát triển các dự án cung cấp các dịch vụ văn hóa, thể thao mới, lạ, gắn với định hướng phát triển du lịch chất lượng cao của tỉnh.

2. Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch

2.1. Nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch tỉnh đảm bảo tích hợp kịp thời, đầy đủ các quy hoạch ngành, lĩnh vực, nhằm mục tiêu đảm bảo khai thác có hiệu quả các nguồn lực, phát huy tối đa những lợi thế của từng ngành, lĩnh vực và của từng địa phương.

2.2. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, rà soát quy hoạch, điều chỉnh và lập mới quy hoạch, lập quy hoạch vùng huyện, quy hoạch phân khu tại các đô thị trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

2.3. Tập trung hoàn thành các đồ án quy hoạch trọng điểm của tỉnh: Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện; đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Bảo Lộc và vùng phụ cận; quy hoạch chung huyện Đức Trọng...

3. Thu hút và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả

3.1. Tiếp cận, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ từ Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương trong việc bố trí vốn cho các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương, đặc biệt là các công trình trọng điểm, cấp bách của tỉnh.

3.2. Đẩy mạnh thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thuộc các ngành, lĩnh vực; chủ động thu hút các nhà đầu tư có năng lực và tiềm lực để triển khai các dự án lớn; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để có thể triển khai thu hút đầu tư ngay sau khi công bố danh mục hoặc ngay sau khi có các nhà đầu tư quan tâm, triển khai đầu tư.

3.3. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư; cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian và tiết kiệm chi phí trong quá trình đầu tư; nghiên cứu, xây dựng các chính sách ưu đãi đầu tư, tạo niềm tin, thu hút nhà đầu tư vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng của tỉnh.

4. Sử dụng đồng bộ các giải pháp về quản lý đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư

4.1. Đẩy mạnh tiến độ triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đất đai đối với cấp huyện; tập trung rà soát toàn bộ các dự án đầu tư có liên quan đến công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; từ đó có giải pháp hữu hiệu nhằm đẩy nhanh tiến độ phê duyệt phương án giá đất, thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định canh - định cư, triển khai xây dựng công trình đảm bảo theo tiến độ đầu tư được phê duyệt.

4.2. Tập trung rà soát, điều chỉnh, bổ sung và tổ chức triển khai đạt hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương nhằm khai thác, sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, hiệu quả; hạn chế việc sử dụng đất chồng chéo, lãng phí, kém hiệu quả, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái, kìm hãm phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm công cụ pháp lý hữu hiệu để hỗ trợ quản lý Nhà nước về đất đai; đồng thời làm căn cứ pháp lý cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...

4.3. Tuyên truyền, vận động người dân tích cực ủng hộ chủ trương của Nhà nước trong thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư; tham gia hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết; chủ trì, phối hợp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động thực hiện Nghị quyết.

3. Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn; các sở, ban, ngành, Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết này; định kỳ sơ kết và báo cáo kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện đến chi bộ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND tỉnh,
- Các vụ theo dõi ĐP của Ban Đảng TW,
- Các ban của Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban ngành, MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy, KT3.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ

Trần Đức Quận